| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: **1076**/2023/LĐ - PT

Ngày: 21 - 11 - 2023

V/v "Tranh chấp về sa thải trái pháp luật, bảo hiểm xã hội, bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Doãn Thị Kim Thúy.

*Các Thẩm phán*: Ông Nguyễn Ngọc Tài.

Bà Lê Thị Hoàng Hoa.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Đào Thị Lành, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Thuận Hòa - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 08, 15 và ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2023/TLPT-LĐ ngày 02 tháng 10 năm 2023, về việc "Tranh chấp về sa thải trái pháp luật, bảo hiểm xã hội, bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động".

Do Bản án lao động sơ thẩm số: 29/2023/LĐ-ST ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4622/2023/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2023, giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Tô Anh Đ, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số A đường N, Phường B, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Tô Uyên P, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số I đường P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Là người đại diện theo ủy quyền - Giấy ủy quyền số công chứng 000900, quyển số: 11/2021.TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh). (Có mặt)

*Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn N. Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số E Đường H, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. (Là người đại diện theo ủy quyền - Giấy ủy quyền ngày 22 tháng 11 năm 2021). (Có mặt)

*Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Lê Tô Anh Đ.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Tô Anh Đ, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà Lê Tô Uyên P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Bà Lê Tô Anh Đ làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn N theo Hợp đồng lao động số: 092019/HDTV/SK-02 ngày 07 tháng 9 năm 2019.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, Giám đốc Công ty là ông Arashima Y yêu cầu nguyên đơn họp về vấn đề không phải do bộ phận của nguyên đơn trực tiếp quản lý. Nguyên đơn có yêu cầu bị đơn cung cấp cho nguyên đơn biên bản cuộc họp nhưng bị đơn từ chối không cung cấp. Ngày 13 tháng 5 năm 2020, nguyên đơn có nhận được email mời họp từ Giám đốc ông Arashima Y vào ngày 14 tháng 5 năm 2020 để nhận kết quả sa thải nguyên đơn đối với những công việc không do nguyên đơn trực tiếp quản lý. Vấn đề này đã được giải quyết tại cuộc họp ngày 07 tháng 5 năm 2020 nhưng bị đơn vẫn quyết định sa thải nguyên đơn.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, bị đơn yêu cầu nguyên đơn thực hiện hoàn tất việc bàn giao tất cả công việc tại Công ty N nguyên đơn nhưng vẫn không cung cấp cho nguyên đơn biên bản họp nào. Sau khi nghỉ việc, bị đơn đã tính sai lương của nguyên đơn 04 lần. Đến nay, bị đơn vẫn không thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm xã hội và hoàn trả sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn.

Nguyên đơn có ký vào Biên bản xác nhận số: 05.2020/BBXN ngày 15 tháng 5 năm 2020 với bị đơn, nhưng tại thời điểm ký biên bản do tại Công ty rất đông người, nguyên đơn bị áp lực nên không đọc kỹ nội dung biên bản. Tại Biên bản xác nhận số: 05.2020/BBXN ngày 15 tháng 5 năm 2020 có ghi mức bồi thường của bị đơn cho nguyên đơn là 30.000.000 đồng, số tiền này nguyên đơn đã thực tế nhận được nhưng nguyên đơn cho rằng không thoả đáng.

Đối với cuộc họp ngày 07 tháng 5 năm 2020 với Công ty Trách nhiệm hữu hạn N, nguyên đơn có tham gia trực tiếp với Công ty nhưng nội dung cuộc họp không đề cập đến bất kỳ lỗi vi phạm nào của nguyên đơn trong quá trình làm việc, chỉ đề cập đến trường hợp nhân viên bán hàng bán thời gian thuộc bộ phận bán hàng, nguyên đơn là quản lý nhân sự đối với nhân viên bán hàng toàn thời gian.

Về biên bản bàn giao công việc với bị đơn, nguyên đơn có ký biên bản bàn giao công việc cho bà Nguyễn Phạm Quỳnh M là người phụ trách chung của

Công ty Trách nhiệm hữu hạn N, nội dung bàn giao lại toàn bộ chìa khoá, máy móc, phần cứng, phần mềm, tài liệu, hồ sơ công việc cho Công ty. Sau khi nguyên đơn ký biên bản bàn giao công việc nêu trên theo Quyết định số: 05.2020/QĐST-2020 ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Công ty thì nguyên đơn không đến Công ty N1 và Công ty cũng không cho nguyên đơn đến.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Xác định bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn N bà Lê Tô Anh Đ trái pháp luật;

- Buộc bị đơn thanh toán tiền lương cho những ngày không được làm việc cho đến ngày hoàn thành việc xét xử vụ án (tính từ ngày 15 tháng 5 năm 2020 với mức lương là 15.000.000 đồng/tháng);

- Buộc bị đơn đóng đầy đủ tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 5 năm 2020 cho đến ngày hoàn thành việc xét xử vụ án;

- Buộc bị đơn bồi thường 12 tháng tiền lương tổn thất do mất việc tương đương 180.000.000 đồng;

- Buộc bị đơn bồi thường 02 tháng lương và phụ cấp do sa thải trái pháp luật tương đương 33.000.000 đồng;

- Buộc bị đơn bồi thường khoản tiền lương tương ứng với những ngày Công ty cho nghỉ việc không báo trước là 16.500.000 đồng;

- Buộc bị đơn trả trợ cấp thôi việc là 120.000.000 đồng;

- Buộc bị đơn trả trợ cấp mất việc làm là 33.000.000 đồng;

- Buộc bị đơn trả tiền lương còn thiếu của tháng 5 năm 2020 là 3.500.000 đồng;

Nguyên đơn yêu cầu được nhận tổng cộng số tiền là 446.000.000 đồng để giải quyết toàn bộ tranh chấp trong vụ án.

***Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn N có ông Nguyễn Thái H là đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Nguyên đơn bà Lê Tô Anh Đ được bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn N tuyển dụng và ký hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng từ ngày 03 tháng 9 năm 2019 đến ngày 03 tháng 9 năm 2020 với chức vụ trưởng phòng nhân sự, mức lương theo hợp đồng là 15.000.000 đồng/tháng.

Trong thời gian làm việc, nguyên đơn đã nhiều lần bị nhắc nhở thái độ không phù hợp với vị trí trưởng phòng nhân sự, nguyên đơn nhiều lần sử dụng lời lẽ, ngôn từ không phù hợp với người đứng đầu Công ty.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, ông Arashima Y là người đứng đầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn N tổ chức cuộc họp, thành phần gồm: ông Arashima Y, bà

Lê Tô Anh Đ và bà Nguyễn Phạm Quỳnh M là nhân viên phòng nhân sự của Công ty, nội dung biên bản có nêu nguyên đơn liên tục không hoàn thành công việc trong tháng 5 năm 2020, cụ thể: Việc chấm công tính lương, ngày nghỉ của nhân viên của nguyên đơn không chính xác; Nguyên đơn thường xuyên nộp kết quả đánh giá thử việc của nhân viên làm theo thời vụ trễ; Không phản hồi các thông tin mà các phòng ban yêu cầu nguyên đơn trả lời liên quan đến vấn đề nhân sự. Nguyên đơn đã xác nhận nội dung mình không hoàn thành công việc được ghi trong biên bản cuộc họp, ký xác nhận và không có ý kiến gì thêm. Tại cuộc họp này, bị đơn và nguyên đơn cũng đã thống nhất chấm dứt hợp đồng lao động theo Biên bản số: 05/2020/BBXN ngày 15 tháng 5 năm 2020.

Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo những cơ sở sau:

Thứ nhất, nguyên đơn là Trưởng phòng nhân sự nhưng tại thời điểm tháng 5 năm 2020, trong thời điểm dịch Covid - 19 đang diễn biến phức tạp ảnh hưởng trực tiếp đến ngành nghề kinh doanh của Công ty là cung cấp bánh ngọt cho các nhà hàng, khách sạn, nhưng nguyên đơn không đưa ra được kế hoạch, phương án phòng, chống dịch, không có phương án định biên nhân sự, chi phí lương phù hợp. Đồng thời, giám đốc Công ty yêu cầu nguyên đơn đánh giá lại toàn bộ nhân viên đang thử việc, nhân viên làm bán thời gian, để cơ cấu lại nhân sự hoạt động phù hợp với tình hình kinh doanh thời điểm chống dịch, nhưng nguyên đơn lại không thực hiện đúng tiến độ giám đốc đề ra.

Thứ hai, tại biên bản họp ngày 07 tháng 5 năm 2020, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất chấm dứt Hợp đồng lao động số: 092019/HDTV/SK-02 ngày 07 tháng 9 năm 2019, có lộ trình bàn giao cụ thể vào ngày 14 tháng 5 năm 2020, nguyên đơn đã bàn giao các công việc cho bà Nguyễn Phạm Quỳnh M. Ngày 15 tháng 5 năm 2020, nguyên đơn đã bàn giao toàn bộ file cứng cho bà M, sau khi bàn giao xong thì nguyên đơn kết thúc công việc tại Công ty. Nguyên đơn đã thống nhất nội dung biên bản và đã ký xác nhận và không có ý kiến gì khác.

Thứ ba, tại biên bản số 05.2020/BBXN ngày 15 tháng 5 năm 2020, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất chấm dứt Hợp đồng lao động số: 092019/HDTV/SK-02 ngày 07 tháng 9 năm 2019, bị đơn đã hỗ trợ bồi thường cho nguyên đơn 30.000.000 đồng, số tiền này Công ty đã chuyển khoản cho nguyên đơn đúng theo thỏa thuận vào ngày 25 tháng 5 năm 2020. Tại biên bản, nguyên đơn đồng ý ký tên, không có ý kiến gì về nội dung thỏa thuận.

Thứ tư, nguyên đơn cho rằng bị đơn sa thải trái pháp luật, bị đơn xin khẳng định trong tất cả văn bản giữa bị đơn và nguyên đơn không có văn bản thể hiện việc bị đơn đã sa thải nguyên đơn trái pháp luật. Nội dung các biên bản làm việc, các quyết định, văn bản về việc chấm dứt hợp đồng lao động của nguyên đơn không có nội dung nào ghi nhận về việc xử lý kỷ luật đối với nguyên đơn. Về tiêu đề Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động có sử dụng chữ "sa thải" là do lỗi đánh máy, không phản ánh đúng nội dung của quyết định đều thể hiện bị

đơn đã chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn theo nội dung biên bản thỏa thuận số 05.2020/BBXN ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa nguyên đơn và bị đơn. Bị đơn sẽ rút lại quyết định này và thay thế bằng quyết định khác phù hợp hơn căn cứ vào biên bản thoả thuận đã ký với bà Đ.

Bị đơn không có biên bản bàn giao công việc giữa hai bên như nguyên đơn trình bày. Về nội quy lao động, người đại diện của bị đơn sẽ kiểm tra thông tin và cung cấp cho Toà án (nếu có).

Nguyên đơn có tham gia cuộc họp ngày 07 tháng 5 năm 2020 với đại diện của bị đơn và bà Nguyễn Phạm Quỳnh M là phụ trách chung của Công ty, nội dung và mục đích của biên bản cuộc họp này là để ghi nhận mức độ thực hiện công việc của nguyên đơn, để từ đó xem xét nguyên đơn đủ điều kiện tiếp tục làm quản lý nhân sự hay không, không phải là biên bản xử lý kỷ luật. Sau đó hai bên có thống nhất chấm dứt hợp đồng lao động và Công ty đã hỗ trợ nguyên đơn 30.000.000 đồng.

Trường hợp nguyên đơn đồng ý hoà giải, bị đơn chỉ đồng ý hỗ trợ thêm 30.000.000 đồng để giải quyết tất cả tranh chấp trong vụ án. Số tiền nguyên đơn yêu cầu để hoà giải là 446.000.000 đồng là quá cao, bị đơn không đồng ý.

*Tại Bản án lao động sơ thẩm số:29/2023/LĐ-ST ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:*

**1.** Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Tô Anh Đ về việc xác định bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn N bà Lê Tô Anh Đ trái pháp luật; yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn N thanh toán tiền lương cho những ngày không được làm việc cho đến ngày hoàn thành việc xét xử vụ án (tính từ ngày 15 tháng 5 năm 2020) với mức lương là 15.000.000 đồng/tháng; yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn N đóng đầy đủ tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 5 năm 2020 cho đến ngày hoàn thành việc xét xử vụ án; yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn N bồi thường 12 tháng tiền lương tổn thất do mất việc tương đương 180.000.000 đồng; yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn N bồi thường 02 tháng lương và phụ cấp do sa thải trái pháp luật tương đương 33.000.000 đồng; yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn N bồi thường khoản tiền lương tương ứng với những ngày Công ty cho nghỉ việc không báo trước là 16.500.000 đồng; yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn N trả trợ cấp thôi việc là 120.000.000 đồng; yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn N trả trợ cấp mất việc làm là 33.000.000 đồng; yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn N trả tiền lương còn thiếu của tháng 5 năm 2020 là 3.500.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền thi hành án và kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/5/2023, nguyên đơn bà Lê Tô Anh Đ nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

*Nguyên đơn và đại diện nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lý do:

Biên bản xác nhận cụ thể dựa theo email đính kèm ngày 14, 15 tháng 5 năm 2020 có liệt kê các lỗi để sa thải nguyên đơn, biên bản này do bị đơn ép buộc nguyên đơn ký.

Nguyên đơn xin cung cấp bổ sung bản sao Biên bản bàn giao công việc với bị đơn, trong đó nội dung bàn giao lại toàn bộ chìa khoá, máy móc, phần cứng, phần mềm, tài liệu, hồ sơ công việc cho Công ty, tại biên bản bàn giao thì cũng có thể hiện rõ việc bị đơn xác nhận là sa thải nguyên đơn. Nên bị đơn ban hành Quyết định sa thải số 05.2020/QĐST-2020 là trái pháp luật chứ không phải bị sai lỗi đánh máy, nhầm lẫn như bị đơn trình bày.

Đối với số tiền 30.000.000 đồng mà bị đơn chuyển vào tài khoản nguyên đơn, đây là tiền lương làm thêm, làm dịch vụ của nguyên đơn, chứ không phải là tiền bồi thường như bị đơn khai. Nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh tiền làm thêm này là bao gồm các khoản gì. Hiện nay bị đơn vẫn giữ sổ bảo hiểm của nguyên đơn, yêu cầu trả lại.

*Đại diện bị đơn trình bày*:

Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị đơn đồng ý hỗ trợ nguyên đơn sửa chữa quyết định cho thôi việc, thay đổi tiêu đề *" V/v Sa thải nhân viên Lê Tô Anh Đ"* do nhầm lẫn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến*:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Xét kháng cáo của của nguyên đơn bà Lê Tô Anh Đ trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được chấp nhận.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 15 tháng 5 năm 2020 Công ty N ra Quyết định 05.2020/QĐST- 2020 về việc sa thải nhân viên Lê Tô Anh Đ. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn xác định đây là quyết định sa thải, phía bị đơn thừa nhận có ban hành quyết định tiêu đề sa thải bà Đ tuy nhiên đây là sự nhầm lẫn của Công ty do sai sót đánh máy. Xét về hình thức của Quyết định 05.2020/QĐST- 2020 là quyết định sa thải, nguyên đơn yêu cầu khởi kiện Công ty N ban hành quyết định sa thải trái pháp luật, buộc bị đơn đóng bảo hiểm xã hội, bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động nên đây là khiếu kiện đối với quyết định kỷ luật sa thải, bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật "Tranh chấp về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bồi thường thiệt hại và trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động" là chưa đúng, cần xác định lại quan hệ pháp luật có tranh chấp là "Tranh chấp xử lý kỷ luật theo hình thức sa thải, đòi tiền lương, bảo hiểm xã hội, bồi thường thiệt hại và trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động".

[1.3] Tại cấp sơ thẩm nguyên đơn đề nghị Toà án triệu tập ông Yuya A và bà Nguyễn Phạm Quỳnh M tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Toà án nhân dân quận 1 xác định việc giải quyết vụ án không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông Yuya A và bà Nguyễn Phạm Quỳnh M theo quy định tại khoản 4 Điều 68, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đã không đưa ông Arashima Y và bà Nguyễn Phạm Quỳnh M vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là đúng quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo: Nguyên đơn kháng cáo về quyết định không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn N tại bản án sơ thẩm số 29/2023/LĐ-ST ngày 19/5/2023 của Tòa án nhân dân quận 1, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ lao động: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phía đại diện nguyên đơn và bị đơn đều xác định bà Lê Tô Anh Đ và Công ty N có ký hợp đồng lao động số 092019/HDTV/SK-02 ngày 07/9/2019, loại hợp đồng: Xác định thời hạn (12 tháng); Chức danh chuyên môn: Trưởng phòng nhân sự. Công việc phải làm: Chi tiết công việc theo sự phân công của lãnh đạo Công ty trong bản mô tả công việc; Thời gian làm việc "theo yêu cầu công việc"; Mức lương chính "15.000.000 đồng/tháng" và tiền thưởng. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Bộ luật Lao động 2019 có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập quan hệ lao động nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2] Xét Quyết định số 05.2020/QĐST ngày 15/5/2020 của Công ty N về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với Lê Tô Anh Đ từ ngày 15/5/2020 với lý do: căn cứ theo biên bản xác nhận số 05.2020/BBXN.

- Về thẩm quyền ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động: hợp đồng lao động do ông Arashima Y là giám đốc đã ký hợp đồng lao động với bà Lê Tô Anh Đ và Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động cũng do ông Arashima Y ký. Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ông Arashima Y là giám đốc – người đại diện theo pháp luật của Công ty Đầu bếp Ngôi sao vì vậy ông Arashima Y ký thì quyết định số 05.2020/QĐST ngày 15/5/2020 ban hành là đúng thẩm quyền.

- Về nội dung quyết định:

Quyết định số: 05.2020/QĐST-2020 ngày 15 tháng 5 năm 2020 có nội dung: "Nay chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày với: Ông (bà): Lê Tô Anh Đ; Chức danh: Trưởng phòng nhân dự - H1; Lý do: Căn cứ theo biên bản xác nhận 05.2020/BBXN; Ông (bà) Lê Tô Anh Đ có trách nhiệm bàn giao công việc lại cho trưởng bộ phận trước ngày 15/5/2020…". Tại Điều 1 quyết định không nêu rõ ngày chấm dứt hợp đồng lao động mà chỉ có ngày bàn giao và theo quyết định thì biên bản xác nhận 05.2020/BBXN ngày 15/5/2020 là căn cứ để bị đơn ban hành quyết định số 05.2020/QĐST-2020, theo biên bản số 05.2020/BBXN có nội dung *"Điều 1: Nay chấm dứt hợp đồng lao động từ ngày với lý do: Nhân viên không phù hợp và đáp ứng với yêu cầu với vị trí quản lý nhân sự cụ thể: theo email đính kèm ngày 14 tháng 5 năm 2020 và ngày 15 tháng 5 năm 2020"*. Bị đơn cho rằng biên bản trên là sự thỏa thuận giữa Công ty và bà Đ chấm dứt hợp đồng lao động, nguyên đơn xác định không có sự thỏa thuận. Xét thấy biên bản số 05.2020/BBXN nêu rõ Công ty chấm dứt hợp đồng lao đồng với bà Đ vì lý do bà Đ không đáp ứng với yêu cầu với vị trí quản lý nhân sự theo email ngày 14 và ngày 15 tháng 5 năm 2020, đối chiếu với các email ngày 15 tháng 5 năm 2020 cho thấy ngày 04 tháng 5 ghi nhận một số chi tiết như mã tính toán sai, mã vân tay sai, nộp muộn ngày phiếu lương, trả lời muộn/ không phản hồi... là các lỗi của bà Đ, sau đó kết luận *"Quyết định: Đào không phù hợp vị trí quản lý nhân sự."*. Việc Công ty chấm dứt hợp đồng lao động với bà Đ là do bà Đ không phù hợp và đáp ứng với yêu cầu của vị trí quản lý nhân sự, toàn bộ nội dung của biên bản không cho thấy có sự thỏa thuận giữa hai bên chấm dứt hợp đồng lao động, đồng thời nếu đây là biên bản do hai bên cùng thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động thì Công ty có thể hỗ trợ chứ không phải là bồi thường khoản tiền là 30.000.000 đồng. Như vậy có đủ cơ sở cho thấy Công ty ban hành quyết định số số 05.2020/QĐST-2020 ngày 15/5/2020 là quyết định sa thải để chấm dứt hợp đồng lao động với bà Đ chứ không phải do Công ty S đánh máy như đã viện dẫn. Căn cứ Điều 122, điều 123, điều 124, điều 125 Bộ luật Lao động năm 2019 Công ty chưa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục về xử lý kỷ luật sa thải, Quyết định sa thải số 05.2020/QĐST-2020 ngày 15/5/2020 của Công ty N ban hành không đúng theo quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở để xác định Công ty N đã xử lý kỷ luật lao động sa thải đối với bà Đ là trái pháp luật, nên cần hủy Quyết định sa

thải số 05.2020/QĐST-2020 ngày 15/5/2020 của Công ty N đối với bà Đ, Hợp đồng lao động số 092019/HDTV/SK-02 ngày 07/9/2019 giữa Công ty N và bà Đ chấm dứt kể từ ngày 04/9/2020.

[2.3] Xét, yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty N phải thanh toán cho bà Đ các khoản: Tiền lương những ngày không làm việc tính từ ngày 15 tháng 5 năm 2020 đến ngày hoàn thành việc xét xử vụ án với mức lương 15.000.000 đồng/ tháng ; Hai tháng tiền lương và phụ cấp do sa thải trái pháp luật: 16.500.000 x 2 = 33.000.000 đồng.

Theo lời khai của nguyên đơn cùng lời thừa nhận của đại diện bị đơn và theo hợp đồng lao động thì mức lương cơ bản của bà Đ là 15.000.000 đồng, căn cứ theo bảng sao kê sổ phụ kiêm phiếu báo nợ/có của Ngân hàng thể hiện Công ty N chuyển trả lương qua tài khoản cá nhân cho bà Đ để tính mức lương bình quân 06 tháng liền kề (từ tháng 11/2019 đến tháng 04/2020) để xác định mức lương yêu cầu bồi thường. Căn cứ khoản 1 Điều 90 Bộ luật Lao động; Điều 21 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015, thì mức lương làm cơ sở để giải quyết các yêu cầu của bà Đ là mức lương thực lãnh trước khi bị sa thải (tháng 5/2020) là 15.000.000 đồng/tháng.

Do hợp đồng lao đồng giữa các bên là hợp đồng có thời hạn 12 tháng kết thúc hợp đồng là ngày 03/9/2020 vì vậy yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn bồi thường đến ngày Tòa xét xử là không có cơ sở chấp nhận, tuy nhiên Công ty phải thanh toán cho bà Đ số tiền những ngày bà Đ không được làm việc được tính từ ngày 15/5/2020 đến ngày 03/9/2020 là ngày kết thúc hợp đồng. Căn cứ Điều 41 Bộ luật lao động năm 2019, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về tiền lương được tính như sau: tổng thời gian là 3 tháng 19 ngày theo mức lương 15.000.000 đồng/tháng x 3 tháng 19 ngày = 54.500.000 đồng và phải trả cho nguyên đơn 02 tháng tiền lương do sa thải trái pháp luật là 30.000.000 đồng. Tổng cộng là 84.500.000 đồng, tuy nhiên Biên bản xác nhận số: 05.2020/BBXN ngày 15 tháng 5 năm 2020 Công ty đồng ý bồi thường cho bà Đ số tiền 30.000.000 đồng, căn cứ Văn bản số: 11104/HCM-TH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Ngân hàng TMCP N2 – Chi nhánh Thành phố H kèm bảng sao kê tài khoản ngày 25 tháng 5 năm 2020, số tài khoản 0071000784939, chủ tài khoản Công ty TNHH N thể hiện "Số tiền ghi nợ 147.264.731,00", "Nội dung chi tiết: …NBNS TT TIEN LUONG T5.2020", phù hợp với chứng từ giao dịch ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Ngân hàng TMCP N2 – Chi nhánh Thành phố H kèm bảng kê thanh toán qua ngân hàng do bị đơn giao nộp, trong đó có phần của nguyên đơn tương ứng với số tiền 42.703. 462 đồng. Bị đơn xác định nguyên đơn được nhận tổng cộng là 42.703.462 đồng, trong đó bao gồm tiền lương những ngày làm việc của tháng 5 năm 2020 (tính đến 15 tháng 5 năm 2020) là 12.703.462 đồng và số tiền là 30.000.000 đồng, nguyên đơn cho rằng khoản tiền 30.000.000 đồng này thực tế có nhận nhưng không phải là bồi thường mà là tiền làm thêm mà Công ty chi trả nhưng không

có chứng cứ chứng minh 30.000.000 đồng Công ty đã thanh toán cho bà Đ chi phí làm thêm việc gì, ngoài ra tại biên bản hoà giải ngày 11 tháng 01 năm 2022, nguyên đơn xác định *"Tại nội dung biên bản thoả thuận số 05/2020/BBXH ngày 15 tháng 5 năm 2020 có ghi mức bồi thường của bị đơn cho nguyên đơn là: 30.000.000 đồng, số tiền này nguyên đơn đã thực tế nhận được nhưng nguyên đơn cho rằng không thoả đáng"*, ngày nhận chuyển khoản cũng hoàn toàn trùng khớp với *"Ngày thanh toán: 25/5/2020"* tại biên bản xác nhận số 05, do đó có đủ cơ sở xác định bà Đ đã nhận đủ 30.000.000 đồng. Công ty còn phải trả cho bà Đ số tiền là 54.500.000 đồng.

[2.4] Xét, yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty N Ngôi sao bồi thường tiền Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 05 đến ngày hoàn tành vụ án, như đã nói trên hợp đồng lao động của bà Đ với Công ty N chấm dứt kể từ ngày 04/9/2020. Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn đều thừa nhận Công ty N đã tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho bà Đ đến tháng 5/2020. Căn cứ Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 khoản 3 Điều 2d, khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 19 và khoản 2 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, cần phải buộc bị đơn đóng tiền BHXH, BHYT, BHTN cho bà Đ từ tháng 6/2020 đến tháng 8/2020 trên mức lương là 15.000.000 đồng, đồng thời cả hai bên bà Đ và Công ty N có trách nhiệm đóng BHXH, BHYT, BHTN cho bà Đ theo quy định pháp luật. Đối với sổ bảo hiểm xã hội mặc dù bà Đ không có yêu cầu cụ thể Công ty trả lại tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cụ thể tại đơn khởi kiện bà Đ cũng đã trình bày Công ty đang giữ sổ bảo hiểm của bà và đề nghị trả. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn thừa nhận còn giữ tờ rời bảo hiểm của bà Đ chứ không giữ sổ, nay do Hợp đồng lao động số 092019/HDTV/SK-02 ngày 07/9/2019 chấm dứt kể từ ngày 04/9/2020 nên Công ty N có trách nhiệm trả lại tờ rời bảo hiểm xã hội cho bà Đ.

[2.5] Đối với yêu cầu bồi thường 12 tháng tiền lương tổn thất do mất việc tương đương 180.000.000 đồng; Bồi thường khoản tiền lương tương ứng với những ngày Công ty cho nghỉ việc không báo trước là 16.500.000 đồng; Trợ cấp thôi việc là 120.000.000 đồng; Xét thấy nguyên đơn không chứng minh được việc tổn thất do mất việc và đây là trường hợp nghỉ việc do sa thải nên không có cơ cơ sở chấp nhận các yêu cầu này của nguyên đơn. Đối với yêu cầu bà Đ đòi bị đơn thanh toán số tiền lương của tháng 5 năm 2020 là 3.500.000 đồng còn thiếu, bị đơn cho rằng số tiền này Công ty đã chuyển khoản cho bà Đ trong khoản tiền 42.703.462 đồng mà bà Đ đã nhận, xét thấy theo nội dung chuyển khoản nêu rõ chuyển lương tháng 5/2020, vì vậy yêu cầu thanh toán số tiền lương tháng 5/2020 của nguyên đơn không được chấp nhận.

[2.6] Tại đơn khởi kiện ngày 04/5/2020 bà Đ yêu cầu cải chính lại thông tin gây ảnh hưởng đến hoạt động nghề nghiệp của bà Đ do Công ty gây ra, nguyên đơn đã có đơn xin rút yêu cầu ngày 31/5/2021, cấp sơ thẩm không đình chỉ đối

với yêu cầu này là thiếu sót. Căn cứ Điều 289, 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là không có căn cứ, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí lao động:

Về án phí lao động sơ thẩm: Áp dụng Điều 12 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là: 54.500.000 đồng x 3% = 1.635.000 đồng. Nguyên đơn được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm.

Về án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn được miễn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 122 Bộ luật Dân sự; Điều 8, 13, 24, 25, 26, 27, 49 Bộ luật Lao động năm 2019; Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

***Tuyên xử*:**

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Tô Anh Đ.

**2**. Sửa Bản án sơ thẩm 29/2023/LĐ-ST ngày 19 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3**. Hủy Quyết định sa thải số 05.2020/QĐST-2020 ngày 15/5/2020 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N đối với bà Lê Tô Anh Đ. Hợp đồng lao động số 092019/HDTV/SK-02 ngày 07/9/2019 chấm dứt kể từ ngày 04/9/2020.

**4.** Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn N phải trả cho bà Lê Tô Anh Đ các khoản sau: Tiền lương của những ngày không được làm việc tính từ ngày 15/5/2020 đến ngày 03/9/2020 là 54.500.000 (Năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng; 02 tháng tiền lương do sa thải trái pháp luật là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng. Tổng cộng là 84.500.000 (T mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng, bà Lê Tô Anh Đ đã nhận 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn N còn phải thanh toán cho bà Lê Tô Anh Đ số tiền 54.500.000 (Năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn) đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

**5.** Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn N và bà Lê Tô Anh Đ phải đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp từ tháng 6/2020 đến

tháng 8/2020 cho bà Lê Tô Anh Đ theo quy định pháp luật về bảo hiểm, theo mức tiền lương là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng/tháng.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà Lê Tô Anh Đ thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

**6.** Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Tô Anh Đ buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn N thanh toán các khoản tiền sau: Bồi thường 12 tháng tiền lương tổn thất do mất việc tương đương 180.000.000 (Một trăm tám mươi triệu) đồng; Bồi thường khoản tiền lương tương ứng với những ngày Công ty cho nghỉ việc không báo trước là 16.500.000 (Mười sáu triệu năm trăm nghìn) đồng; Bồi thường 12 tháng tiền lương tổn thất do mất việc tương đương 180.000.000 (Một trăm tám mươi triệu) đồng; tiền lương còn thiếu của tháng 5 năm 2020 là 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

**7.** Đình chỉ yêu cầu cải chính lại thông tin gây ảnh hưởng đến hoạt động nghề nghiệp của bà Lê Tô Anh Đ do Công ty Trách nhiệm hữu hạn N gây ra.

**8.** Về án phí lao động sơ thẩm và phúc thẩm:

Án phí lao động sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn N phải chịu án phí số tiền là 1.635.000 (Một triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn) đồng. Bà Lê Tô Anh Đ được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm.

Án phí lao động phúc thẩm: Bà Lê Tô Anh Đ được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Tòa án nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Vp, Hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Doãn Thị Kim Thúy**